

CÔNG KHAI THÔNG TIN VÀ THẨM ĐỊNH RỦI RO MÔI TRƯỜNG NHẪM THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

LÊ MINH NHỰT

Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật TP.HCM
Faculty of International Law, Ho Chi Minh City University of Law

Email: lmnhut@hcmulaw.edu.vn

TRẦN QUANG HUY

Trường Đại học Luật TP.HCM
Ho Chi Minh City University of Law

Email: tqhuy@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Bài viết phân tích những tiêu chí để xây dựng các quy định pháp luật về thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong lĩnh vực môi trường được ghi nhận trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên, các tài liệu hướng dẫn về thực hành kinh doanh có trách nhiệm được sử dụng rộng rãi trên tầm quốc tế và trong pháp luật của Pháp và Nhật Bản. Từ đó, bài viết đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện Việt Nam.

Từ khóa: phát triển bền vững, kinh doanh có trách nhiệm, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Abstract

The article analyzes the criteria for the establishment of legislation on environmentally responsible business practices in new generation free trade agreements, International Guidelines on Responsible Business Practice, and in the law of France and Japan. From that basis, the authors rec offer some sugges tions to improve Vietnamese law.

Keywords: sustainable development, responsible business practice, corporate social responsibility

DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.335>

Ngày nhận bài: 13/3/2025

Ngày duyệt đăng: 19/8/2025

Thực hành kinh doanh có trách nhiệm (*responsible business practices*, RBP), là một khái niệm chỉ việc thực hành các hoạt động kinh doanh trên cơ sở tuân thủ pháp luật và đồng thời cân nhắc các tác động của hoạt động kinh doanh đến các yếu tố con người, xã hội và môi trường.¹ RBP là một khái niệm được phát triển và nâng cấp từ khái niệm trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (*corporate social responsibility*, CSR). So sánh với CSR, một khái niệm đã xuất hiện từ lâu đời, RBP đặt yêu cầu tuân thủ cho doanh nghiệp ở mức độ cao hơn, cũng như đặt ra nghĩa vụ cho nhà nước phải tham gia vào việc hoàn thiện các chính sách – pháp luật nhằm đặt ra các tiêu chuẩn, nghĩa vụ cho doanh nghiệp trong việc cân nhắc các tác động đến xã hội, con người và môi trường trong quá trình kinh doanh.² RBP có phạm vi rất rộng, bao gồm ba yếu tố là con người, xã hội và môi trường. Bài viết này chỉ tập trung phân tích các yếu tố liên quan đến RBP trong các vấn đề về môi trường (*environmentally responsible business practice*, ERBP).

1 Bộ quy tắc hướng dẫn về kinh doanh và quyền con người của Liên hợp quốc (UNGP), Nguyên tắc 11, Nguyên tắc nền tảng A. Xem: Bộ Tư pháp, *Đề án ban hành chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam*, 2023, tr. 10 – 11.

2 Brent D. Beal, “What is CSR?”, in *Corporate social responsibility: Definition, core issues, and recent development*, SAGE Publications, 2014, tr. 1 – 3, DOI: <https://doi.org/10.4135/9781483388014>; Olufemi Amao, *Corporate social responsibility, human rights and the law*, Routledge Publications, 2011, tr. 55 – 59.

Hiện nay, việc ban hành các quy định pháp luật nhằm thúc đẩy ERBP là cần thiết đối với Việt Nam để đảm bảo doanh nghiệp Việt Nam có thể tham gia vào hoạt động thương mại quốc tế. Các doanh nghiệp ở những quốc gia đã ban hành quy định pháp luật về ERBP có nghĩa vụ thường xuyên thẩm định chuỗi cung ứng của mình để xem xét liệu các doanh nghiệp khác trong chuỗi cung ứng có tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường hay không.³ Đồng thời, các doanh nghiệp trên cũng có nghĩa vụ phải công bố thông tin thẩm định ra công chúng. Việc có doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường có thể gây ra ảnh hưởng tiêu cực đến danh, tạo ra những hệ quả như bị suy giảm về lợi nhuận hay nặng hơn là bị khiếu kiện.⁴ Đơn cử như trường hợp công ty BNP Paribas bị khiếu kiện do đã có sự hỗ trợ tài chính cho Marfrig, một doanh nghiệp đã vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường cũng như đã có hành vi phá rừng nghiêm trọng tại Brazil.⁵ Bên cạnh đó, việc thẩm định chuỗi cung ứng yêu cầu các doanh nghiệp cần phải thu thập rất nhiều thông tin về môi trường từ các doanh nghiệp khác nằm cùng chuỗi cung ứng và việc thu thập các thông tin từ những doanh nghiệp ở các quốc gia đã ban hành quy định về ERBP sẽ đơn giản hơn. Bởi lẽ, các quy định về ERBP có sự yêu cầu các doanh nghiệp phải công khai thông tin cho công chúng, điều này giúp cho việc tiếp cận thông tin trở nên thuận tiện và làm giảm áp lực, chi phí của doanh nghiệp trong quá trình thực hiện chuỗi cung ứng.⁶

Để có thể đảm bảo các quy định về ERBP được xây dựng và thực thi một cách hiệu quả, việc xem xét, đối chiếu quy định pháp luật Việt Nam với các tiêu chuẩn quốc tế là điều vô cùng cần thiết. Bài viết phân tích và đánh giá các quy định về ERBP trong Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (*European Union – Vietnam Free Trade Agreement*, EVFTA) và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (*Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership*, CPTPP). Cụ thể, bài viết phân tích Bộ quy tắc của Liên hợp quốc về kinh doanh và nhân quyền (*United Nations Guiding Principles on Business and Human Rights*, UNGP) và Bộ hướng dẫn của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (*Organisation for Economic Co-operation and Development*, OECD) cho các doanh nghiệp đa quốc gia.⁷ Bởi vì, EVFTA và CPTPP không quy định chi tiết về ERBP mà dẫn chiếu về các tiêu chuẩn này. Đồng thời, tác giả cũng tham khảo pháp luật của Pháp và Nhật Bản. Pháp là một quốc gia thuộc EU và việc nghiên cứu pháp luật của Pháp sẽ giúp cho Việt Nam hiểu được phần nào cách thức ban hành các quy định về ERBP theo tiêu chuẩn của EU; từ đó tăng khả năng tuân thủ những tiêu chuẩn về ERBP trong EVFTA. Nhật Bản, là quốc gia thành viên CPTPP cũng là một trong những quốc gia đi đầu trong

3 Nguyễn Thị Quỳnh Anh, “Thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong chuỗi cung ứng toàn cầu”, Kỷ yếu hội thảo *Các chính sách thúc đẩy kinh doanh có trách nhiệm ở Việt Nam – Kinh nghiệm và thực tiễn*, 2024, tr. 41 – 43; Almut Schilling-Vacflor, Maria-Therese Gustafsson, “Towards more sustainable global supply chains? Company compliance with new human rights and environmental due diligence laws”, *Environmental Politics*, Vol. 33(3), 2024, tr. 430 – 431, DOI: <https://doi.org/10.1080/09644016.2023.2221983>

4 Robert Innes, “A theory of consumer boycotts under symmetric information and imperfect competition”, *The Economic Journal*, số 116(551), 2006, tr. 371 – 372, DOI: <https://doi.org/10.1111/j.1468-0297.2006.01084.x>

5 BNP Paribas Deforestation, <https://plan-vigilance.org/wp-content/uploads/2020/06/BNP-Deforestation-VEENG.pdf>, truy cập ngày 5/2/2025.

6 Alice Evans, “Overcoming the global despondency trap: Strengthening corporate accountability in supply chains”, *Review of International Political Economy*, Vol. 27(3), 2019, tr. 658 – 659, DOI: <https://doi.org/10.1080/09692290.2019.1679220>

7 Điều 20.10 CPTPP; Điều 13.10.2(e) EVFTA.

việc thúc đẩy các tiêu chuẩn về CSR tại châu Á.⁸ Việc nghiên cứu các tiêu chuẩn của pháp luật về ERBP tại Nhật Bản sẽ giúp cho Việt Nam định hình được phần nào những tiêu chuẩn về ERBP tại châu Á và xây dựng những quy định pháp luật về ERBP một cách phù hợp. Từ các cơ sở trên, bài viết khái quát hóa các tiêu chí chung đối với việc ban hành các quy định liên quan đến ERBP và đưa ra các định hướng phù hợp cho pháp luật Việt Nam.

1. Nghĩa vụ công khai thông tin về môi trường trong việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm đối với môi trường

Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đã thông qua Đề án Ban hành Chương trình hành động quốc gia, hoàn thiện chính sách pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam. Liên quan đến vấn đề môi trường, Đề án tập trung vào một số vấn đề chủ đạo như xử lý ô nhiễm môi trường (bao gồm cả xử lý chất thải, nước thải), biến đổi khí hậu và minh bạch về thông tin.⁹ Bên cạnh đó, Đề án cũng đề cập UNGP như một trong những tiêu chuẩn để tham khảo và thực hiện.¹⁰ Hiện nay, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã có quy định liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường là quy định về công khai thông tin về môi trường. Quy định này yêu cầu doanh nghiệp công khai thông tin về chất ô nhiễm, thông tin về chất thải, nước thải, khí thải và các loại chất thải khác theo quy định của pháp luật, thông tin về hoạt động bảo vệ môi trường, thông tin về giấy phép môi trường, đánh giá tác động môi trường, thông tin về bảo vệ đa dạng sinh học...¹¹

Có thể thấy, các quy định về bắt buộc công khai thông tin môi trường sẽ góp phần thiết lập các nền tảng quan trọng để Việt Nam phát triển khung pháp lý về ERBP phù hợp hơn với các tiêu chuẩn quốc tế. Việc công khai thông tin chính là một trong những nền tảng để đảm bảo doanh nghiệp tuân thủ các quy định về môi trường và đẩy mạnh việc thực hiện ERBP. Việc công khai thông tin cũng góp phần nâng cao các tiêu chuẩn về môi trường của doanh nghiệp. Cụ thể, kể cả khi doanh nghiệp đã tuân thủ những quy định của luật môi trường, nhưng chỉ vừa đạt mức tối thiểu, việc công khai thông tin có thể làm cho doanh nghiệp bị đánh giá là chưa quan tâm đến môi trường và làm giảm khả năng cạnh tranh với những doanh nghiệp có mức độ tuân thủ cao. Tuy nhiên, cần phải có sự điều chỉnh Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 về phạm vi các doanh nghiệp có nghĩa vụ công khai thông tin về môi trường để đảm bảo sự rõ ràng về thông tin. Các tiêu chí xác định doanh nghiệp nào có nghĩa vụ công khai thông tin về môi trường vẫn còn được quy định một cách rời rạc, gây ra sự khó khăn trong việc xác định doanh nghiệp nào có nghĩa vụ công khai thông tin về môi trường. Cụ thể, Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 không quy định cụ thể doanh nghiệp nào cần phải công khai thông tin môi trường mà theo hướng chỉ quy định các thông tin môi trường cần công khai; Điều 102 Nghị định 02/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

8 Motoki Ono, “CSR in Japan: Unique features and recent trends”, *The Tokyo Foundation*, 2022, <https://www.tokyofoundation.org/research/detail.php?id=912>, truy cập ngày 7/2/2025; Lư Kế Trường, Phan Bá Đạt, “Thực tiễn thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Nhật Bản và một số kinh nghiệm nâng cao hiệu quả thực hiện tại Việt Nam”, Hội nghị đối thoại: *Hoàn thiện chính sách và pháp luật thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam*, Bộ Tư pháp, Hà Nội, 2024, tr. 189 – 190.

9 Bộ Tư pháp, *tlđđ*, tr. 64 – 66.

10 Bộ Tư pháp, *tlđđ*, tr. 14 – 15.

11 Khoản 3 Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

có liệt kê một số đối tượng phải doanh nghiệp công khai thông tin môi trường nhưng không hoàn toàn tương thích với Điều 114. Ví dụ, thông tin về môi trường cần phải công khai bao gồm các nội dung như: thông tin về chất ô nhiễm, dòng thải các chất ô nhiễm ra môi trường, nguồn ô nhiễm; công tác bảo vệ môi trường; thông tin về chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải, khí thải và các loại chất thải khác theo quy định của pháp luật... tuy nhiên Điều 102 Nghị định 02/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ chỉ yêu cầu doanh nghiệp công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường, quan trắc tự động, liên tục nước thải, bụi, khí thải công nghiệp hoặc quan trắc nước thải, bụi, khí thải công nghiệp định kỳ. Ngoài ra, Điều 114.3.d Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định đối tượng công khai thông tin môi trường là mọi tổ chức, cá nhân bao gồm cả mọi doanh nghiệp nhưng Điều 102 Nghị định 02/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ chỉ đặt ra nghĩa vụ công khai thông tin môi trường cho chủ dự án đầu tư, cơ sở, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp.

Theo khuyến nghị của UNGP, quốc gia phải đảm bảo những tiêu chuẩn, yêu cầu về ERBP trong các quy định pháp luật được quy định một cách rõ ràng, cụ thể. Việc đưa ra những tiêu chuẩn rõ ràng sẽ giúp cho các doanh nghiệp chủ động hơn trong việc tuân thủ các quy định về ERBP; đồng thời, cũng góp phần giúp việc thực hiện theo các quy định về ERBP được nhất quán.¹² Pháp đã cụ thể hóa yêu cầu này bằng cách quy định doanh nghiệp có trách nhiệm công khai thông tin môi trường dựa trên tiêu chí về số lượng nhân công của doanh nghiệp và doanh thu ròng hàng năm.¹³ Trong pháp luật Nhật Bản, các quy định về bắt buộc công khai thông tin môi trường vẫn chưa được ban hành. Tuy nhiên, Nhật Bản vẫn có những văn bản hướng dẫn về ERBP do hai tổ chức là Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (*Japan International Cooperation Agency*, JICA) và Ngân hàng Hợp tác quốc tế Nhật Bản (*Japan Bank for International Cooperation*, JBIC) ban hành. Những doanh nghiệp nào là thành viên của hai tổ chức trên sẽ có trách nhiệm phải thực hiện công khai thông tin về môi trường.¹⁴ Nhìn chung, quy định của Pháp và Nhật Bản đã thể hiện hai hướng tiếp cận khác nhau đối với ERBP, bao gồm việc ban hành các quy định pháp luật và điều chỉnh mềm thông qua các tiêu chí. Dù có sự khác nhau, nhưng cả hai quốc gia đều đảm bảo được sự rõ ràng trong các tiêu chuẩn, yêu cầu về công khai thông tin về môi trường đối với doanh nghiệp để thực hiện ERBP.

Tuy nhiên, để đưa ra những tiêu chí cụ thể cho các doanh nghiệp có nghĩa vụ công khai thông tin về môi trường cần phải có thêm sự nghiên cứu chi tiết, cụ thể hơn về các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường của Việt Nam. Từ đó, xây dựng được ra những tiêu chí phù hợp với pháp luật Việt Nam. Việt Nam có thể học tập kinh nghiệm của các nước, xem xét việc lượng hóa tiêu chí doanh nghiệp phải công bố thông tin môi trường theo quy mô vốn, người lao động, quy mô dự án hoặc tiến xa hơn khi yêu cầu toàn bộ doanh nghiệp phải công bố thông tin môi trường.

12 UNGP, Nguyên tắc 2, Nguyên tắc nền tảng A.

13 Article 225-105, Commercial Code.

14 JBIC, "Japan Bank for International Cooperation Guidelines for confirmation of environmental and social considerations", *Japan Bank for International Cooperation*, 2022, tr. 13, https://www.jbic.go.jp/en/business-areas/environment/image/Environmental_Guidelines_2022.pdf, truy cập ngày 5/2/2025; JICA, *Japan International Cooperation Agency Guidelines for environmental and social considerations*, 2022, tr. 12.

2. Thẩm định rủi ro môi trường trong việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm đối với môi trường

Pháp luật Việt Nam quy định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với thẩm định rủi ro môi trường tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 cũng như nhiều văn bản khác có liên quan như Luật Đa dạng sinh học năm 2008, Luật Lâm nghiệp năm 2017 và Luật Thuế bảo vệ môi trường năm 2010. Bản thân doanh nghiệp cũng có nghĩa vụ thực hiện đánh giá tác động môi trường khi thực hiện những dự án có khả năng tác động tiêu cực đến môi trường. Bên cạnh đó, Luật Đầu tư năm 2020 cũng quy định các ngành sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng được nhận ưu đãi, trong đó có ưu đãi về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất.¹⁵ Ngoài ra, Việt Nam cũng đã có những chế tài đối với các doanh nghiệp vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam vẫn chưa có những quy định tác động sâu hơn vào hành vi của doanh nghiệp, có khả năng thúc đẩy doanh nghiệp tuân thủ quy định của pháp luật môi trường không chỉ vừa đủ ngưỡng yêu cầu mà nằm ở mức cao hơn. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm cho các quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với vấn đề bảo vệ môi trường ở Việt Nam vẫn chưa thể đạt được hiệu quả cao.¹⁶

Vì lý do đó, nhóm tác giả đề xuất bổ sung một điều khoản về thẩm định rủi ro về môi trường trong Luật Doanh nghiệp năm 2020. Đề án Ban hành chương trình hành động quốc gia, hoàn thiện chính sách pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam không yêu cầu phải ban hành các quy định về thẩm định rủi ro. Kế hoạch hành động của Việt Nam cũng không đề cập đến vấn đề này. Tuy nhiên, việc thực hiện thẩm định rủi ro lại là cần thiết do EVFTA, CPTPP đều dẫn chiếu các hướng dẫn quốc tế. Cụ thể, việc thẩm định rủi ro là một yêu cầu quan trọng được cả UNGP lẫn Hướng dẫn của OECD khuyến nghị.¹⁷ Vì vậy, việc xây dựng các quy định về thẩm định rủi ro về môi trường là cần thiết để đảm bảo Việt Nam tuân thủ theo các yêu cầu của EVFTA và CPTPP.

Trong quy trình thẩm định, cơ quan thẩm định sẽ xem xét cả những tác động tiêu cực đến môi trường hiện hữu và tiềm tàng của doanh nghiệp. Đây còn được gọi là phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro (*risk-based approach*). Theo nội dung của phương pháp tiếp cận này, các doanh nghiệp sẽ tiến hành rà soát các rủi ro liên quan đến môi trường đã xuất hiện và có khả năng xuất hiện trong quá trình vận hành của doanh nghiệp. Từ những kết quả của hoạt động thẩm định, doanh nghiệp phải đưa ra những biện pháp khắc phục sao cho phù hợp với mức độ liên quan của doanh nghiệp đến tác động tiêu cực. Những biện pháp khắc phục phải được sự tham vấn ý kiến của các bên liên quan và được kiểm tra tính hiệu quả hằng năm.¹⁸ Cần lưu ý rằng, hoạt động thẩm định của doanh nghiệp sẽ được thực hiện ở cả phạm vi nội bộ lẫn bên ngoài và được thực hiện định kỳ hằng năm. Nói cách khác, doanh nghiệp cần phải xem xét các vấn

15 Điều 15 và điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Đầu tư năm 2020.

16 Trần Thăng Long, Trần Huỳnh Thanh Nghị, Dương Quốc Thị, “Kinh nghiệm quốc tế về xây dựng chính sách, pháp luật về kinh doanh có trách nhiệm đối với bảo vệ môi trường – Bài học cho Việt Nam”, Kỷ yếu hội thảo *Các chính sách thúc đẩy kinh doanh có trách nhiệm ở Việt Nam – Kinh nghiệm và thực tiễn*, 2024, tr. 4-5.

17 UNGP, Nguyên tắc 17, Nguyên tắc thực hiện B; Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế, Xem OECD, *OECD guidelines for multinational enterprises on responsible business conduct*, OECD Publishing, Paris, 2020, tr. 14.

18 UNGP, Nguyên tắc 20, Nguyên tắc thực hiện B.

đề về môi trường trong chuỗi cung ứng. Đối với hướng dẫn của OECD, văn bản này còn đưa ra những vấn đề về môi trường cần phải được tập trung là: (i) biến đổi khí hậu; (ii) suy giảm đa dạng sinh học; (iii) suy giảm về hệ sinh thái đất, biển và mặt nước; (iv) phá rừng; (v) ô nhiễm không khí, nước và đất; (vi) quản trị chất thải không hiệu quả.¹⁹

Bên cạnh đó, cần phân biệt giữa quy định về thẩm định rủi ro môi trường và quy định về đánh giá tác động môi trường được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Điểm khác biệt đầu tiên, đó là đối tượng của hoạt động thẩm định là các doanh nghiệp, còn đối tượng của hoạt động đánh giá tác động môi trường là các dự án đầu tư.²⁰ Điểm khác biệt thứ hai, đó là hoạt động thẩm định rủi ro được thực hiện thường xuyên, diễn ra hàng năm, trong khi đánh giá tác động môi trường yêu cầu doanh nghiệp phải thực hiện vào thời điểm bắt đầu dự án hoặc trong quá trình dự án vận hành nhưng có sự thay đổi về quy mô, tác động của dự án đến môi trường.²¹ Điểm khác biệt thứ ba, đó là thẩm định rủi ro môi trường được thực hiện trong phạm vi rất rộng, bao gồm cả quá trình vận hành của doanh nghiệp và cả chuỗi cung ứng, trong khi đánh giá tác động môi trường chỉ giới hạn trong phạm vi xây dựng, vận hành dự án đầu tư.²²

Có thể nhận định, nghĩa vụ thẩm định rủi ro là một nghĩa vụ bổ sung cho doanh nghiệp, nâng cao mức độ tuân thủ của doanh nghiệp vượt qua những tiêu chuẩn môi trường phổ thông. Đồng thời, nghĩa vụ này cũng góp phần hạn chế các tác động tiêu cực của doanh nghiệp đến môi trường. Mỗi doanh nghiệp đều sẽ có những tác động, mức độ tác động đến môi trường theo những cách khác nhau. Việc chỉ tuân thủ theo các tiêu chuẩn môi trường phổ thông có thể không đảm bảo hạn chế được các tác động tiêu cực của doanh nghiệp đối với môi trường, đặc biệt trong trường hợp các yếu tố môi trường bị biến đổi (bão, lũ lụt, nắng hạn) làm cho các tiêu chuẩn trong thời điểm đó không phù hợp và có khả năng gây ra những tai nạn về môi trường... Đây là những yếu tố mà luật không thể dự đoán hoàn toàn, chỉ có các doanh nghiệp có khả năng chủ động xác định và đưa ra những giải pháp phù hợp.

Tuy nhiên, để đảm bảo tính hiệu quả của quy định về thẩm định rủi ro môi trường, cần phải có những yếu tố sau đây. Trước hết, đó là giới hạn phạm vi của nghĩa vụ thẩm định rủi ro. Việc thẩm định rủi ro về môi trường yêu cầu doanh nghiệp thu thập rất nhiều thông tin về môi trường, ở phạm vi rất rộng, cả trong doanh nghiệp lẫn ở những doanh nghiệp khác trong chuỗi cung ứng. Đồng thời, doanh nghiệp cũng cần phải xây dựng nên các biện pháp để hạn chế, phòng tránh rủi ro và đảm bảo việc giám sát hàng năm. Bản thân pháp luật của Pháp hay Nhật Bản cũng có hạn chế về đối tượng các doanh nghiệp có nghĩa vụ thực hiện thẩm định rủi ro về môi trường. Pháp chỉ giới hạn trong các doanh nghiệp có số lượng nhân công trên 10.000 người tại Pháp hoặc doanh nghiệp có số lượng nhân công trên 15.000 trên toàn thế giới.²³ Nhật Bản chỉ khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện thẩm định rủi ro về môi trường theo khả năng của mình.

Thứ hai, Việt Nam cần phải ghi rõ những yêu cầu tối thiểu của hoạt động thẩm định rủi ro về môi trường. Cụ thể, hoạt động thẩm định cần phải bảo đảm các hoạt động sau:

19 Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế, *tlđđ*, tr. 33.

20 Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

21 Điều 31 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

22 Khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

23 Article 1 Duty of Vigilance of Parent and Instructing Companies (Law No. 2017-399).

- (i) Thiết lập danh sách xác định từng loại rủi ro về môi trường;
- (ii) Quy trình đánh giá thường xuyên khả năng phát sinh những rủi ro về môi trường trên phạm vi chuỗi cung ứng;
- (iii) Các biện pháp để giảm thiểu hoặc phòng tránh rủi ro về môi trường;
- (iv) Hệ thống giám sát việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu, phòng tránh rủi ro và đánh giá mức độ hiệu quả của các biện pháp đó.

Đây là những nội dung được khuyến nghị trong UNGP và Hướng dẫn của OECD. Bản thân Pháp và Nhật Bản cũng đã quy định các nội dung này trong các quy định của nội địa. Pháp quy định thẩm định rủi ro môi trường trong Luật về nghĩa vụ cảnh giác doanh nghiệp, với Nhật Bản là Hướng dẫn về tôn trọng nhân quyền trong chuỗi cung ứng có trách nhiệm. Tuy nhiên, trong pháp luật Pháp lại thiếu một văn bản giải thích rõ ràng các yêu cầu cho hoạt động thẩm định rủi ro về môi trường.²⁴ Đây là một điểm hạn chế mà Việt Nam cần lưu ý khi ban hành quy định về thẩm định rủi ro về môi trường. Việc đưa ra các hướng dẫn chi tiết về các hoạt động thẩm định rủi ro về môi trường sẽ đảm bảo được yếu tố rõ ràng dựa theo các yêu cầu của UNGP. Thứ ba, Việt Nam cần phải ban hành kèm theo các quy định nhằm đảm bảo doanh nghiệp thực hiện thẩm định rủi ro về môi trường. Các quy định về đảm bảo thực thi phải có được sự tác động đến lợi nhuận. Việc tác động đến lợi nhuận của doanh nghiệp có khả năng điều chỉnh hành vi của doanh nghiệp một cách hiệu quả.²⁵ Ở Pháp, doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ thẩm định hoặc không thực hiện theo những biện pháp được đề ra để hạn chế tác động đến môi trường có thể đối mặt với việc bị khiếu kiện bởi các bên liên quan.²⁶ Thuật ngữ “các bên liên quan” được dùng để chỉ tất cả những bên có quan tâm đến hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm cá nhân, cơ quan nhà nước và các tổ chức khác.²⁷ Khi nhận được yêu cầu khởi kiện và ra trước tòa án, doanh nghiệp có nghĩa vụ phải chứng minh rằng mình đã thực hiện đầy đủ và hiệu quả hoạt động thẩm định rủi ro cũng như các giải pháp liên quan.

Tuy nhiên, việc thiếu sót một bộ tiêu chuẩn cụ thể cho hoạt động thẩm định rủi ro của doanh nghiệp làm hạn chế khả năng doanh nghiệp tự bảo vệ mình trước tòa cũng như xây dựng các biện pháp tuân thủ thích hợp để tránh bị khiếu kiện bởi các bên liên quan. Các khiếu kiện này có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến danh tiếng của doanh nghiệp và làm suy giảm doanh thu của doanh nghiệp, qua đó, tạo ra áp lực cho doanh nghiệp phải thực hiện các hoạt động thẩm định rủi ro về môi trường không chỉ để tuân thủ mà còn để bảo toàn lợi nhuận của mình.²⁸ Có thể kể đến vụ Maxwell Atuhura

24 Elsa Savourey & Stephane Brabant, “The French law on the duty of vigilance: Theoretical and practical challenges since its adoption”, *Business and Human Rights Journal*, Vol. 6(1), 2020, tr. 142 – 143, DOI: <https://doi.org/10.1017/bhj.2020.30>

25 Armand Hatchuel & Blanche Segrestin, “Reconnaître l’entreprise en droit : la proposition de «Société à Mission»” (Recognizing the company in law: The proposal of “mission-driven company”), 2018, *Trivium: Franco-German journal of human and social sciences*, Vol. 28, 2018, DOI: <https://doi.org/10.4000/trivium.5988>

26 Blanche Segrestin, Armand Hatchuel & Kevin Levillain, “When the law distinguishes between the enterprise and the corporation: The case of the new French law on corporate purpose”, *Journal of Business Ethics*, Vol. 171, 2021, tr. 11, DOI: <https://doi.org/10.1007/s10551-020-04439-y>; Blanche Segrestin & Kevin Levillain, “Profit-with-purpose corporations: Why purpose needs law and why it matter for management”, *European Management Review*, Vol. 20(4), 2023, tr. 736, DOI: <https://doi.org/10.1111/emre.12628>

27 Maria Lancri, “Lessons from the French duty of care law on the way to a european text”, *ERA Forum*, Vol. 22, 2021, tr. 458, DOI: <https://doi.org/10.1007/s12027-021-00686-2>

28 Almut Schilling-Vacflor, “Putting the French duty of vigilance law in context: Towards corporate accountability for human rights violations in the global south?”, *Human Rights Review*, Vol. 22, tr. 115, DOI: <https://doi.org/10.1007/s12142-020-00607-9>

cùng với các tổ chức phi chính phủ tại Pháp đã khiếu kiện công ty Total Energies của Pháp do đã thiếu trách nhiệm trong việc giám sát dự án khai thác dầu Tilega, gây ô nhiễm nghiêm trọng đến môi trường.²⁹ Hay vụ Groupe Casino bị kiện vì việc mua bán các sản phẩm từ thịt của họ tại Nam Mỹ có liên hệ đến hành vi phá rừng.³⁰ ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Olufemi Amao, *Corporate social responsibility, human rights and the law*, Routledge Publications, 2011
- [2] Brent D. Beal, “What is csr?”, in *Corporate social responsibility: Definition, core issues, and recent development*, SAGE Publications, 2014, DOI: <https://doi.org/10.4135/9781483388014>
- [3] Bộ Tư pháp, *Đề án Ban hành chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam*, 2023 [trans: Ministry of Justice, *Project on the promulgation of a national action programme for improving policies and laws to promote responsible business practices in Vietnam*, 2023]
- [4] Alice Evans, “Overcoming the global despondency trap: Strengthening corporate accountability in supply chains”, *Review of International Political Economy*, Vol. 27(3), 2019, DOI: <https://doi.org/10.1080/09692290.2019.1679220>
- [5] Armand Hatchuel & Blanche Segrestin, “Reconnaître l’entreprise en droit : la proposition de «Société à Mission»” (Recognizing the company in law: The proposal of “mission-driven company”), 2018, *Trivium: Franco-German journal of human and social sciences*, Vol. 28, 2018, DOI: <https://doi.org/10.4000/trivium.5988>
- [6] Robert Innes, “A theory of consumer boycotts under symmetric information and imperfect competition”, *The Economic Journal*, số 116(551), 2006, DOI: <https://doi.org/10.1111/j.1468-0297.2006.01084>
- [7] JBIC, “Japan Bank for International Cooperation Guidelines for confirmation of environmental and social considerations”, *Japan Bank for International Cooperation*, 2022
- [8] Maria Lancri, “Lessons from the French duty of care law on the way to a european text”, *ERA Forum*, Vol. 22, 2021, DOI: <https://doi.org/10.1007/s12027-021-00686-2>
- [9] Motoki Ono, “CSR in Japan: Unique features and recent trends”, *The Tokyo Foundation*, 2022
- [10] Elsa Savourey & Stephane Brabant, “The French law on the duty of vigilance: Theoretical and practical challenges since its adoption”, *Business and Human Rights Journal*, Vol. 6(1), 2020, DOI: <https://doi.org/10.1017/bhj.2020.30>
- [11] Almut Schilling-Vacflor, “Putting the French duty of vigilance law in context: Towards corporate accountability for human rights violations in the global south?”, Vol. 22, *Human Rights Review*, DOI: <https://doi.org/10.1007/s12142-020-00607-9>
- [12] Almut Schilling-Vacflor, Maria-Therese Gustafsson, “Towards more sustainable global supply chains? Company compliance with new human rights and environmental due diligence laws”, *Environmental Politics*, Vol. 33(3), 2024, DOI: <https://doi.org/10.1080/09644016.2023.2221983>
- [13] Blanche Segrestin & Kevin Levillain, “Profit-with-purpose corporations: Why purpose needs law and why it matter for management”, *European Management Review*, Vol. 20(4), 2023, DOI: <https://doi.org/10.1111/emre.12628>
- [14] Blanche Segrestin, Armand Hatchuel & Kevin Levillain, “When the law distinguishes between the enterprise and the corporation: The case of the new French law on corporate purpose”, *Journal of Business Ethics*, Vol. 171, 2021, DOI: <https://doi.org/10.1007/s10551-020-04439-y>

29 Camille Grandperrin & Aurore Dorget, “Total in Uganda Act II”, *Total Energies*, <https://plan-vigilance.org/wp-content/uploads/2020/06/Total-Ouganda-II-VEENG.pdf>, truy cập ngày 9/2/2024.

30 Boris Patentrege & Lucie Chatelain, “Casino in the Amazon”, *Mighty Earth*, <https://vigilance-plan.org/wp-content/uploads/2021/07/VE-Casino-in-the-Amazon.pdf>, truy cập ngày 9/2/2024.